TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM –CTCP (VIWASEEN)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
DỰ THẢO Số: /BC-BKS	*Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023; đánh giá kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2023

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP;

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP ban hành theo Quyết định số 04/QĐ-BKS ngày 02/08/2018;

Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc trong năm 2023 và 5 năm 2019 – 2023 trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Tổng công ty có 3 thành viên, bao gồm:

- Bà **Bùi Khánh Linh** – Trưởng ban
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Diệp** – Thành viên (bầu tháng 02/2021)
- Ông **Nguyễn Sinh Kiên** – Thành viên

Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách, 2 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Các thành viên được phân công nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, soát xét các mặt hoạt động của Tổng công ty phù hợp với chuyên môn, kinh nghiệm của từng thành viên.

1. Kết quả hoạt động

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp định kỳ, nội dung chủ yếu thông qua kế hoạch kiểm soát, triển khai kế hoạch giám sát, thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều lệ, cụ thể:

- Triển khai, thực hiện công tác giám sát các hoạt động quản lý của HĐQT trong việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các quy chế, quy định nội bộ Tổng Công ty. Thực hiện kiểm soát sau đối với các quyết định của Ban điều hành.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của Ban điều hành; Kiểm tra công tác tài chính, kế toán; soát xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh các quý, bán niên và cả năm.

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được văn bản từ cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra vấn đề cụ thể nào liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cung cấp tài liệu, hồ sơ, thông tin, để Ban thực hiện nhiệm vụ ĐHĐ cổ đông giao.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2024

Ban kiểm soát tiếp tục phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo quy định, thực hiện một số chuyên đề giám sát chuyên sâu:

- Đánh giá công tác xây dựng dự toán và quản lý chi phí, đánh giá hiệu quả của một số công trình trọng điểm

- Đánh giá tính tuân thủ quy định, quy chế nội bộ trong quản lý hợp đồng.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Năm 2023, từng thành viên Ban kiểm soát nhận được mức lương, thưởng, thù lao như sau:

- Bùi Khánh Linh – Trưởng BKS chuyên trách: 327 trđ (lương)
- Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thành viên BKS kiêm nhiệm: 28 trđ (thù lao)
- Nguyễn Sinh Kiên – Thành viên BKS kiêm nhiệm: 250 trđ (lương, thù lao)

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 và thống nhất với nội dung của báo cáo. Báo cáo thể hiện đầy đủ, trung thực công tác quản lý của Hội đồng quản trị trong năm 2023, nội dung trọng yếu bao gồm:

- Lập chương trình công tác, cụ thể hóa nhiệm vụ tổ chức, quản lý, giám sát Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ về thủ tục triệu tập, tham gia ý kiến, thẩm tra và biểu quyết. Các cuộc họp được ghi biên bản, lưu giữ theo quy định. Các nghị quyết, quyết định được ban hành phù hợp với kết quả biểu quyết ghi tại Biên bản.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định thông qua chương trình, nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; trình ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Tiến Đại Phát, chỉ đạo BĐH làm việc với đối tác và tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư hoặc hợp tác đầu tư mới phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

- HĐQT thực hiện giám sát Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thông qua việc giám sát hiệu quả kinh tế các công trình trọng điểm: Sông Đà, Xiêm Riệp, sân bay Phnom Pênh; chỉ đạo công tác rà soát thu hồi nợ phải thu, phân loại hàng tồn kho, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng; chỉ đạo thực hiện chương trình tuân thủ nhằm tháo gỡ lệnh cấm của WoldBank; phê duyệt hạn mức tín

dụng, quỹ lương thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023; phê duyệt gia hạn tiến độ thực hiện Dự án 52 Quốc Tử Giám; chỉ đạo công tác rà soát, nghiên cứu và đề xuất phương án sắp xếp cơ sở nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP.

- Trong năm 2023, HĐQT cũng đã thông báo và triển khai thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ.

- HĐQT quản lý phần vốn tại các công ty thành viên thông qua việc cử, thôi cử các cán bộ đại diện quản lý phần vốn góp và giới thiệu tham gia HĐQT, Ban kiểm soát tại các công ty, thỏa thuận để người đại diện vốn tham gia biểu quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chủ trương đầu tư, mua sắm tài sản của các công ty thành viên.

Tuy nhiên, đối với Kế hoạch tái cơ cấu 2021-2025, trong đó danh sách dự kiến thoái vốn đợt 1 gồm 7 đơn vị do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau đến nay vẫn chưa được thực hiện.

2. Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo kết quả SXKD, ĐTPT năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Tổng giám đốc và cơ bản thống nhất với nội dung của báo cáo.

Thị trường cạnh tranh gay gắt trong khi lệnh hạn chế đấu thầu của Ngân hàng thế giới tiếp tục gia hạn khiến Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm. Các công trình trọng điểm diễn ra ngoài biên giới Việt Nam cũng là một yếu tố gây khó khăn trong sản xuất, Công ty mẹ đã không đạt kế hoạch ở 3/5 chỉ tiêu SXKD và ĐTPT do ĐHĐCĐ thường niên 2023 giao, cụ thể:

Đvt: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2023		Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Giá trị SXKD	490,1	400,8	81,8%
2	Đầu tư phát triển	13,1	6,3	48,1%
3	Tổng doanh thu	521,7	517,4	99,2%
4	Nộp NSNN	8	17,4	217,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	5,4	5,4	100,0%
6	Cổ tức	0		

Trong năm 2023 không phát sinh hợp đồng, giao dịch của Tổng công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NHIỆM KỲ

1. Công tác lập Báo cáo tài chính

Tổng Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, bán niên và năm 2023 theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán và Luật Kế toán hiện hành, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, là một trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua lựa chọn.

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, ngoại trừ ảnh hưởng của một số vấn đề liên quan

đến việc chưa đối chiếu đầy đủ một số khoản công nợ phải thu, trả trước, tạm ứng quá hạn thanh toán; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng xây dựng tồn đọng, kéo dài; chưa bù trừ đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và BCTC của một số công ty con chưa được kiểm toán.

2. Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả SXKD của Công ty Mẹ

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ thể hiện tài sản và nguồn vốn của Văn phòng công ty mẹ và các chi nhánh trực thuộc.

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2023 là 1.205 tỷ đồng, giảm gần 4% so năm trước trên cả 2 khoản mục tài sản ngắn hạn và dài hạn, cụ thể:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023
I. Tài sản ngắn hạn	**836.019**	**828.820**	**851.001**	**812.151**	**773.890**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	23.153	110.700	137.561	79.095	33.323
2. Phải thu ngắn hạn	542.481	505.996	417.021	397.506	485.566
Phải thu ngắn hạn khách hàng	*393.006*	*359.117*	*243.056*	*224.447*	*305.169*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	*(20.421)*	*(20.421)*	*(20.421)*	*(20.421)*	*(20.421)*
Trả trước cho người bán	*76.125*	*67.753*	*83.410*	*75.828*	*81.710*
Phải thu ngắn hạn khác	*93.320*	*99.097*	*110.525*	*117.201*	*118.657*
3. Hàng tồn kho	266.607	205.720	289.118	323.463	251.778
Tr/đó: CF SXKD dở dang	*236.251*	*197.341*	*280.327*	*310.953*	*233.377*
4. Tài sản ngắn hạn khác	3.777	6.404	7.300	12.087	3.223
II. Tài sản dài hạn	**432.821**	**423.146**	**439.232**	**431.517**	**430.908**
1. Tài sản cố định	149.000	141.917	155.950	147.808	140.588
2. Bất động sản đầu tư	11.948	11.685	11.423	11.161	10.898
3. Tài sản dở dang dài hạn	17.048	25.338	26.829	31.411	37.684
4. Đầu tư tài chính dài hạn	242.996	233.875	265.550	265.550	265.550
Tr/đó: Dự phòng ĐTTC dài hạn	*(31.675)*	*(31.675)*	*(34.175)*	*(37.655)*	*(37.655)*
Tổng tài sản	**1.268.840**	**1.251.966**	**1.290.233**	**1.243.668**	**1.204.798**

- So với năm 2022, tiền mặt và các khoản tương đương tiền giảm hơn 50%, các khoản phải thu ngắn hạn tăng hơn 20%, trong đó phải thu khách hàng tăng 36%, trả trước cho người bán tăng 9%, các khoản phải thu khác tăng 6% cho thấy kết quả thu hồi công nợ khá hạn chế đối với các khoản phải thu phát sinh trong năm cũng như các khoản công nợ cũ. Trong 485 tỷ đồng phải thu ngắn hạn, có 202,8 tỷ đồng có tuổi nợ trên 3 năm, đến nay Tổng công ty trích lập dự phòng được khoảng 10% số công nợ này (20,4 tỷ đồng), trong 5 năm qua, không trích lập thêm.

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 là 251,8 tỷ đồng, trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 233 tỷ đồng. Đối với các công trình thi công, chi phí dở dang tồn chủ yếu tại công trìnhTV-TC 11 Sông Đà (13,7 tỷ đồng), Sân bay Techno Cambodia (38,9 tỷ đồng), Sông Đà EPC02 (10,6 tỷ đồng), công trình Bến Tre (4 tỷ đồng), 2 công trình Đồng Hới DHW (18,24 tỷ đồng), Siemriep Campuchia (11,5 tỷ đồng), công trình Huế ICB/2 (5,6 tỷ đồng)... Một số công trình đã thi công xong vẫn

đang trong quá trình đối chiếu, quyết toán, tồn đọng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang kéo dài số tiền 133,9 tỷ đồng.

- Tài sản dài hạn giảm nhẹ, trong đó tài sản cố định và bất động sản đầu tư giảm do chi phí khấu hao.

- Tài sản dở dang dài hạn tăng 20% từ 31,4 tỷ đồng lên 37,7 tỷ đồng. Tổng công ty tiếp tục đầu tư vào dự án 52 Quốc Tử Giám (1,4 tỷ) và TXL nước sạch Deep C (2,4 tỷ). Trong khoản mục này, Tổng công ty hiện đang theo dõi 3,7 tỷ đồng đầu tư cho dự án XD NMN Sông Đuống dù dự án đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội tiếp nhận vào năm 2014 theo chỉ đạo tại công văn số 264/TTg-KTN ngày 28/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án tổ hợp nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê VIWASEEN Hạ Đình: Tổng công ty hợp tác đầu tư với Cty TNHH Tiến Đại Phát thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư số 030914/VIWASEEN-TDP ngày 03/9/2014. ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã thông qua chủ trương chấm dứt hợp tác đầu tư nhưng đến nay các thủ tục liên quan chưa được hoàn thành. Trong năm 2023, Công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào dự án này 2,38 tỷ đồng (chủ yếu là tiền thuê đất).

- Về đầu tư tài chính dài hạn, Tổng công ty đầu tư vào 12 công ty con, 7 công ty liên doanh, liên kết và 2 đơn vị khác với tổng số vốn đầu tư là 265,55 tỷ đồng . Trong đó một số công ty hoạt động có hiệu quả (Công ty WASECO, VIWASEEN.3, Suối Dầu…); một số công ty có hiệu quả thấp như VIWASEEN.11, VIWASEEN.14, TSC; còn lại là các công ty có hiệu quả SXKD thua lỗ, không bảo toàn được vốn hoặc mất toàn bộ vốn chủ sở hữu. Đến nay, tổng số trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 37,65 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nguồn vốn

Tài trợ cho các tài sản trên là nguồn vốn biến động như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023
Nợ phải trả	**651.452**	**653.623**	**688.305**	**637.279**	**592.553**
1. Nợ ngắn hạn	626.931	629.102	651.396	603.240	561.562
Tr/đó: Vay và nợ ngắn hạn	*208.555*	*158.315*	*149.229*	*172.765*	*179.928*
Phải trả người bán	*297.844*	*275.255*	*258.567*	*266.235*	*227.042*
Người mua trả tiền trước	*53.626*	*130.084*	*167.688*	*97.918*	*66.875*
Phải trả ngắn hạn khác	*53.856*	*60.959*	*31.159*	*26.180*	*32.026*
2. Nợ dài hạn	24.521	24.521	36.909	34.039	30.991
Tr/đó: Vay và nợ dài hạn	*0*	*0*	*12.188*	*9.140*	*6.092*
Phải trả dài hạn khác	*24.521*	*24.521*	*24.721*	*24.899*	*24.899*
Vốn chủ sở hữu	**617.388**	**598.343**	**601.928**	**606.389**	**612.275**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	580.186	580.186	580.186	580.186	580.186
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0	-351	704
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.410	1.410	1.410	1.410	1.410
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	35.791	16.747	20.332	25.143	29.975
Tổng nguồn vốn	**1.268.840**	**1.251.966**	**1.290.233**	**1.243.668**	**1.204.828**

Tổng nguồn vốn của Tổng công ty giảm gần 4% so năm trước do giảm các khoản nợ phải trả, trong đó khoản mục người mua trả tiền trước giảm hơn 30% từ 97,9 tỷ đồng xuống còn 66,8 tỷ đồng. Điều này phần nào phản ánh lượng hợp đồng ký mới trong năm 2023 rất khiêm tốn, Công ty mẹ chỉ nhận thêm được khoản tạm ứng hợp đồng sân bay Techno Cambodia (39,3 tỷ đồng).

Để bổ sung vốn lưu động, trong năm 2023, Tổng công ty vay từ 2 ngân hàng Vietinbank, BIDV và một số đơn vị khác số tiền 236,8 tỷ đồng và trả 229,6 tỷ đồng, đưa số dư nợ ngắn hạn tăng từ 172,8 tỷ đồng lên 179,9 tỷ đồng.

Số dư khoản vay dài hạn từ Ngân hàng BIDV cho dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước sạch cấp cho Khu công nghiệp Deep CI và Deep CII giảm từ 9,1 tỷ đồng còn 6,1 tỷ đồng do trong năm Tổng công ty đã trả 3 tỷ đồng, tuân thủ đúng theo kế hoạch trả nợ dài hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi đồng USD trên BCTC của Chi nhánh Tổng công ty tại Campuchia.

2.3. Kết quả sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
1	**Doanh thu thuần**	**960.024**	**417.002**	**257.356**	**441.718**	**498.338**
	Từ hoạt động bán hàng	*28.126*	*19.748*	*24.467*	*29.789*	*49.354*
	Từ cung cấp dịch vụ	*21.234*	*20.532*	*16.348*	*15.512*	*18.334*
	Từ hợp đồng xây dựng	*558.884*	*349.154*	*216.540*	*396.416*	*430.649*
	Từ KD bất động sản	*351.779*	*27.568*	-	-	
2	**Giá vốn**	**874.890**	**382.688**	**236.345**	**413.166**	**467.951**
	Của hàng hóa đã bán	*24.105*	*16.783*	*12.137*	*14.348*	*24.563*
	Của dịch vụ đã cung cấp	*14.798*	*13.040*	*10.524*	*10.613*	*11.610*
	Hợp đồng xây dựng	*553.543*	*331.721*	*213.684*	*388.205*	*431.778*
	Kinh doanh bất động sản	*282.444*	*21.144*	-	-	
3	Doanh thu tài chính	17.081	15.885	24.744	25.829	19.089
	tr/đó Cổ tức	*16.711*	*15.796*	*24.528*	*25.614*	*18.826*
4	Chi phí tài chính	22.644	14.603	13.533	19.229	16.750
	trong đó Chi phí lãi vay	*15.828*	*14.576*	*10.999*	*13.122*	*16.718*
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.004	27.356	26.681	29.746	26.805
6	**Lợi nhuận từ hoạt động SXKD**	**27.567**	**8.240**	**5.540**	**5.405**	**5.920**
7	Lợi nhuận khác	(10.836)	(3.979)	(1.955)	(594)	(495)
8	**Tổng LN kế toán trước thuế**	**16.731**	**4.262**	**3.585**	**4.812**	**5.425**
9	**Lợi nhuận sau thuế**	**3.700**	**2.977**	**3.585**	**4.812**	**4.832**
10 = (1-2)/1	**Tỷ suất lợi nhuận gộp**	**8,87%**	**8,23%**	**8,16%**	**6,46%**	**6,10%**
	Từ hoạt động bán hàng	*14,29%*	*15,01%*	*50,39%*	*51,83%*	*50,23%*
	Từ cung cấp dịch vụ	*30,31%*	*36,49%*	*35,63%*	*31,58%*	*36,68%*
	Từ hợp đồng xây dựng	*0,96%*	*4,99%*	*1,32%*	*2,07%*	*-0,26%*
	Từ kinh doanh bất động sản	*19,71%*	*23,30%*			
11 = 9 / 1	**Tỷ suất lợi nhuận ròng**	**0,39%**	**0,71%**	**1,39%**	**1,09%**	**0,97%**
12 = 4a / 1	**Tỷ suất lãi vay / doanh thu**	**1,65%**	**3,50%**	**4,27%**	**2,97%**	**3,35%**
13 = 5/1	**Tỷ suất CF QLDN/doanh thu**	**5,42%**	**6,56%**	**10,37%**	**6,73%**	**5,38%**

Doanh thu năm 2023 của Công ty mẹ tăng hơn 12% so với năm 2022, trong đó hoạt động xây lắp vẫn là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, đem lại 86,4% doanh thu thuần của Công ty mẹ (năm 2022 là 89,7%). Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp nhất.

Doanh thu tài chính năm 2023 giảm hơn 20%, Công ty mẹ nhận được cổ tức từ 3/12 công ty con là Công ty Waseco (15,84 tỷ đồng, năm 2022 là 23,76 tỷ đồng), Công ty Viwaseen3 (872 trđ), Công ty Viwaseen.14 (313,8 trđ) và 1/7 công ty liên kết là Công ty Suối Dầu (1,8 tỷ đồng).

Chi phí lãi vay tăng từ 13,1 tỷ đồng lên 16,7 tỷ đồng, chiếm 3,35% doanh thu. Đây cũng là năm chi phí lãi vay lớn nhất trong 5 năm qua, nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD của Công ty mẹ phụ thuộc nhiều vào vốn vay.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm 2022 về cả giá trị tuyệt đối (từ 29,7 tỷ xuống 28,6 tỷ đồng) và tỷ trọng so doanh thu (từ 6,73% xuống 5,38%). So với năm 2022, ngoại trừ chi phí nhân công, các khoản mục khác như chi phí nguyên vật liệu, khấu hao, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền đều tiết kiệm hơn. Tuy nhiên, trong năm, Công ty mẹ không thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu, trả trước, tạm ứng quá thời hạn quy định.

2.4 Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty Mẹ

Chỉ tiêu	Đvt	2019	2020	2021	2022	2023
I. Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1,33	1,32	1,31	1,35	1,38
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,90	0,98	0,85	0,79	0,92
II. Cơ cấu vốn (đòn bẩy tài chính)						
Hệ số tự tài trợ = vốn CSH / tổng nguồn vốn	%	49%	48%	47%	49%	51%
Hệ số đòn bẩy tài chính = tổng tài sản bình quân / tổng vốn CSH bình quân	lần	2,42	2,07	2,12	2,10	2,01
Hệ số thích ứng dài hạn = TS dài hạn / (Nợ dài hạn + Vốn CSH)	lần	0,67	0,68	0,69	0,67	0,67
Tỷ số nợ trên tài sản	%	51%	52%	53%	51%	49%
III. Cơ cấu tài sản						
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	34,1%	33,8%	34,0%	34,7%	35,8%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	65,9%	66,2%	66,0%	65,3%	64,2%
IV. Khả năng hoạt động						
Vòng quay tổng tài sản	lần	0,64	0,33	0,20	0,35	0,41
Vòng quay vốn lưu động	lần	0,88	0,50	0,31	0,53	0,63
V. Khả năng sinh lời						
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	0,2%	0,2%	0,3%	0,4%	0,4%
Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,6%	0,5%	0,6%	0,8%	0,8%
VI. Mức độ bảo toàn vốn = vốn CSH / vốn đầu tư của chủ sở hữu	**lần**	**1,06**	**1,03**	**1,04**	**1,05**	**1,06**

Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty mẹ trong 5 năm vừa qua không có sự khác biệt lớn:

- Nhóm hệ số thanh toán thể hiện Công ty mẹ có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nhưng mức độ sẵn sàng ở mức thấp, nếu quản trị dòng tiền không tốt, không tích cực thu hồi công nợ dễ dẫn đến khó khăn trong khả năng thanh toán.

- Nhóm hệ số về cơ cấu vốn cho thấy mức độ tự chủ về tài chính, Công ty mẹ có khả năng bù đắp, trang trải hoạt động bằng vốn chủ sở hữu nhưng phụ thuộc nhiều vào các khoản nợ vay.

- Hệ số thích ứng dài hạn đánh giá khả năng trang trải tài sản dài hạn bằng các nguồn vốn ổn định dài hạn ở mức độ an toàn. Cơ cấu vốn được duy trì, cân đối giữa tài sản với nguồn hình thành tài sản.

- Nhóm hệ số về khả năng hoạt động, sinh lời và bảo toàn vốn đều ở mức độ rất khiêm tốn trừ năm 2019 do có doanh thu cao từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản nên hệ số về khả năng hoạt động cải thiện hơn các năm khác chỉ hoạt động nhiều ở lĩnh vực xây lắp.

3. Kết quả SXKD trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được hợp nhất từ Công ty Mẹ, 10/12 công ty con đầu tư trực tiếp và 1/1 công ty con đầu tư gián tiếp. Kết quả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
I	**Kết quả hoạt động kinh doanh**					
1	Tổng doanh thu	1.715.941	951.685	871.463	1.128.922	1.359.953
	Doanh thu thuần về BH và CCDV	*1.714.001*	*948.269*	*828.092*	*1.124.187*	*1.355.133*
	Doanh thu hoạt động tài chính	*1.940*	*3.416*	*43.371*	*4.735*	*4.820*
2	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	493	(2.541)	(3.886)	(10)	1.047
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.336	8.869	26.211	7.093	26.024
4	Lợi nhuận sau thuế	23.059	1.102	17.855	(1.026)	14.279
5	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	11.556	2.019	(1.241)	(7.508)	3.563
II	**Tài sản = nguồn vốn**	2.387.600	2.328.240	2.223.815	2.149.737	2.065.808
1	Tài sản ngắn hạn	1.665.962	1.607.589	1.568.281	1.518.582	1.453.883
2	Tài sản dài hạn	721.638	720.651	665.534	631.155	611.925
3	Nợ phải trả	1.627.274	1.588.233	1.485.548	1.433.837	1.350.824
	Nợ ngắn hạn	*1.357.176*	*1.314.669*	*1.216.835*	*1.196.890*	*1.150.498*
	Nợ dài hạn	*270.098*	*273.563*	*268.713*	*236.947*	*200.326*
4	Vốn chủ sở hữu	760.318	760.007	738.268	715.900	714.984

Trong 12 Công ty con của Tổng công ty, chỉ có WASECO, VIWASEEN.3 có doanh thu và hiệu quả SXKD tăng trưởng; VIWASEEN.11, VIWASEEN.14 hoạt động

ở mức có lãi nhỏ; còn lại 8/12 công ty con đều thua lỗ, mất vốn, một số đơn vị phải tạm dừng hoạt động. Kết quả hoạt động yếu kém của các công ty này đã ảnh hưởng tiêu cực đến BCTC hợp nhất của Tổng công ty, lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2023 là lỗ 24,14 tỷ đồng.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tiếp tục kiến nghị những vấn đề đã nêu như sau:

1.Tổng công ty cần tiếp tục có các giải pháp xử lý tài chính liên quan đến các khoản phải thu khó đòi, các khoản tạm ứng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình tồn đọng, kéo dài và trích lập dự phòng theo quy định nhằm khắc phục các ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán trong báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính.

2. Đối với các chi nhánh, cần rà soát hoạt động của chi nhánh để có giải pháp xử lý các tồn tại tài chính, nâng cao năng lực sản xuất, kiện toàn nhân sự, nhằm phát huy vai trò vừa là đại diện vừa là đơn vị sản xuất trực tiếp của Tổng công ty tại khu vực. Thực hiện đánh giá để tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động với Chi nhánh Tư vấn; xây dựng định mức chi phí cụ thể, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Chi nhánh Hải Phòng cũng như đảm bảo an toàn tài sản của Tổng công ty tại địa phương.

3. Tăng cường công tác quản lý hợp đồng: tổ chức thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kiểm soát chi phí chặt chẽ, không để xuất hiện tình trạng lỗ ngay từ khi giao thầu, giao khoán; tổ chức nghiệm thu thanh quyết toán, thu hồi vốn kịp thời, đảm bảo dự án có hiệu quả. Đẩy mạnh tiến độ quyết toán các hợp đồng giao khoán nội bộ, hợp đồng giao thầu với các công ty con nhằm quyết toán chi phí công trình phù hợp với quyết toán với Chủ đầu tư.

4. Trong lĩnh vực đầu tư: thực hiện chủ trương chấm dứt hợp tác đầu tư tại dự án Hạ Đình theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua; hoàn thiện công tác quyết toán dự án Trung Văn, dự án Deep CI-CII giai đoạn I; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án 52 Quốc Tử Giám.

Đối với dự án NMN Sông Đuống, Tổng công ty cần rà soát, xem xét lại hồ sơ liên quan, từ đó xây dựng kế hoạch xử lý chi phí nghiên cứu dở dang phù hợp. Ngoài ra, nghiên cứu, xem xét đầu tư máy móc thiết bị tăng năng lực sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư xây dựng thiết kế phần mềm nhằm tăng năng lực quản trị trên mọi mặt hoạt động như quản trị nhân sự, thi công, tài chính.

5. Trong quản trị nhân sự: thực hiện công tác định biên nhân sự hiệu quả, rà soát quy chế lương, thưởng đảm bảo công bằng, minh bạch. Đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, phát triển lực lượng lao động có tay nghề, xây dựng cơ chế thu hút nhân sự chất lượng cao. Về công tác phê duyệt quỹ tiền lương của người lao động: Đề nghị HĐQT phê duyệt quỹ tiền lương của người lao động chỉ bao gồm những khoản mang tính chất tiền công, tiền lương (không bao gồm những khoản chi phí mang tính chất là chi phí giá vốn (nếu có).

6. Về công tác quản trị doanh nghiệp:

- Kiện toàn, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, đặc biệt các quy chế liên quan đến hoạt động SXKD chính của Tổng công ty như Quy chế quản lý hợp đồng,

quy chế đầu tư, quy chế người đại diện vốn, quy chế giao thầu giao khoán đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Chương trình tuân thủ doanh nghiệp (ICP) của Ngân hàng Thế giới đồng thời đáp ứng nhu cầu quản trị của Tổng công ty hiện nay. Đồng thời đảm bảo cơ chế giám sát các hoạt động trong mọi lĩnh vực tuân thủ đúng theo quy chế, quy trình, quy định hiện có. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp, Ban Điều hành cần có báo cáo HĐQT để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm khai thác có hiệu quả tài sản cố định hiện có của Tổng công ty (Hệ thống cấp nước thô Đình Vũ, văn phòng và tầng hầm tại Tòa nhà VIWASEEN TOWER).

- Chú trọng và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng quý, năm và kế hoạch SXKD từng dự án, trong đó xây dựng kế hoạch chi tiết theo khoản mục chi phí làm cơ sở giám sát, hạn chế rủi ro chi phí thực tế vượt dự toán. Sớm ban hành quy chế chi tiêu nội bộ nhằm thực hành tiết kiệm, kiểm soát các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí chung.

7. Về quản lý phần vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên: Tổng công ty cần tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động SXKD của các đơn vị, phát huy hơn nữa vai trò cổ đông lớn trong tái cơ cấu công ty con, thông qua Người đại diện vốn tham gia sâu vào quá trình quản trị, quản lý nhằm đánh giá đúng đắn, kịp thời tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó có định hướng và giải pháp phù hợp với từng đơn vị. Đồng thời tích cực đẩy mạnh tiến trình thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ 2021 thông qua.

8. Tăng cường công tác giám sát, quản lý đất đai của Tổng công ty, tăng cường phương án bảo vệ, đề phòng lấn chiếm các cơ sở nhà, đất của VIWASEEN.

9. Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá hiệu quả từng lĩnh vực hoạt động, từng đơn vị sản xuất (Chi nhánh, Đội xây lắp, Ban điều hành …) để phân tích đánh giá có định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Bùi Khánh Linh